TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày: 27-11- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Việt Hồng Phượng

2. Ông Trần Đăng Khoa

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Sơn – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Tú Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Võ Văn T, sinh năm 1990, nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Q, sinh năm 1966 và Đỗ Thị T1, sinh năm 1967; Anh em ruột: Có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; Bị cáo chưa có vợ con.

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, học đến lớp 6 thì nghỉ, ở nhà làm thuê phụ giúp gia đình.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/9/2019 đến nay.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1982, nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/- Ông Lưu Ngọc E, sinh năm 1966 – Vắng mặt

2/- Ông Huỳnh Văn F, sinh năm 1975 - Vắng mặt.
3/- Bà Mai Thị N, sinh năm 1990 - Vắng mặt.
4/- Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1966 - Vắng mặt
5/- Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1967 – Có mặt.
6/- Bà Võ Thị T2, sinh năm 1992 – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07 tháng 08 năm 2019, Võ Văn T sau khi đi làm thuê (chăn vịt) tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang về đến đầu đường vào khu dân cư ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, T mang ba lô màu xanh đen (Bên trong có quần áo và giấy chứng minh nhân dân của T) đi bộ về hướng nhà của T ở cuối khu dân cư. Khi đi được khoảng 01 km, T nhìn thấy xe mô tô biển số: 67C1-145.84, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ đen, số máy: 5333777, số khung: 523224 của Nguyễn Phước H (không có gắn chìa khóa trong ổ khóa xe) đang đậu ngoài sân nhà anh Huỳnh Văn F, nhà F không có cổng rào, không ai trông giữ xe nên T nảy sinh ý định lấy trộm. T đi đến dẫn xe mô tô biển số: 67C1-145.84 ra đường lộ, cách vị trí ban đầu khoảng 25 mét thì T dựng xe và dùng tay tháo giắc ổ khóa xe (tháo dây điện đờ rét), chuẩn bị điều khiển xe chạy đi thì thấy H từ trong nhà của F đi ra, T sợ bị phát hiện nên mang ba lô bỏ chạy, T bơi qua kênh trốn thoát, do quần áo T bị ướt nên T lấy bộ đồ trong ba lô ra thay, còn bộ đồ bị ướt thì để vào ba lô. Sau đó, T cất giấu ba lô dưới sàn bê tông của nhà vệ sinh phía sau "Miếu Bà" rồi trốn thoát về nhà.

Đến khoảng 11 giờ ngày 08/08/2019, T đến công an xã Đ, huyện C đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 13/9/2019, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố điều tra.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô biển số: 67C1-145.84, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ đen, số máy: 5333777, số khung: 523224. Đã trao trả cho bị hại Nguyễn Phước H.

- 01 ba lô màu xanh đen mặt trước có chữ "F4" màu trắng; 01 giấy chứng minh nhân dân số: 352379537 tên Võ Văn T do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 11/07/2012; 01 áo thun tay ngắn màu tím trên vai có chữ "D&G-DOLCE&GABBANA"; 01 cái quần jeans dài màu đen có chữ "Classic jeans LEADING THE FASHION DISTINCTIVE"; 01 cái áo thun tay ngắn màu xanh; 01 cái khăn sọc ca rô màu trắng đen. Đã trả lại cho bị cáo Võ Văn T.

Tại kết luận định giá số 67/KL.HĐ ngày 12/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển số: 67C1-145.84, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ đen, số máy: 5333777, số khung: 523224 đã qua sử dụng, trị giá: 18.000.000

đồng x 40% = 7.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng)

Tại cáo trạng số 34/CT-VKSCT-HS ngày 06/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố để xét xử bị cáo Võ Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đề nghị xem xét.

- Về vật chứng: Đã trả lại cho bị hại và bị cáo trong quá trình điều tra nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo Võ Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nộ i dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không nói lời sau cùng trước khi hội đồng xét xử vào nghị án.

Bị hại – Ông Nguyễn Phước H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu, hiện đã được cơ quan điều tra thu hồi tài sản trả lại cho người bị hại nên bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, yêu cầu xử lý hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo theo quy định pháp luật (Bút lục số: 45-46; 89-90).

Người làm chứng – Bà Đỗ Thị T1 khai: Bà là mẹ ruột của bị cáo T, sau khi biết tin bị cáo T có hành vi trộm xe thì bà có khuyên bị cáo đến Công an xã Đ để đầu thú. Về nhân thân thì từ trước đến nay bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự.

Những người làm chứng khác: Ông Lưu Ngọc E, Huỳnh Văn F, bà Mai Thị N, Nguyễn Thị Kim M, Võ Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu (Bút lục số: 47-48; 49-50; 51-52; 53-54; 55-56; 57-58; 91-96)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và những người làm chứng là ông Nguyễn Phước H, ông Lưu Ngọc E, Huỳnh Văn F, bà Mai Thị N, Nguyễn Thị Kim M, Võ Thị T2. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, thực hiện hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 67C1-145.84 có giá trị 7.200.000 đồng của bị hại, dẫn xe ra đường lộ cách vị trí để xe ban đầu 25 m, dùng tay tháo giắc ổ khóa xe (tháo dây điện đờ rét), chuẩn bị điều khiển xe chạy đi, do thấy bị hại từ trong nhà của ông F đi ra nên bị cáo bỏ chạy, việc không lấy được tài sản là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập tự nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng ngược lại vì muốn có tiền tiêu xài mà bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, việc chưa lấy được tài sản của bị hại là ngoài ý muốn của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng; sau khi tội phạm bị phát

hiện bị cáo đã ra Cơ quan công an đầu thú. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành tốt, để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặ ng trách nhiệ m hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

- Xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại và bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (27/11/2019).

Giao bị cáo Võ Văn T cho Ủy ban Nhân dân xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo Võ Văn T)

***Nơi nhận**:*
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKS Châu Thành;
- VKS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA–TAND An Giang;
- CQ CSĐT Công an Châu Thành;
- Chi cục THA.DS Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Trinh